TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/KDTM-ST
Ngày 30/11/2019
V/v "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán hợp đồng cung ứng dịch vụ thi công công trình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Song Trà;
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2019/TLST-DS ngày 05/6/2019 về "Tranh chấp hợp đồng thuê búa đóng cọc và hợp đồng kinh tế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2019/QĐXXST-KDTM, ngày 08/11/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2019/QĐST- KDTM ngày 20/11/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Công ty 72

Địa chỉ: Số 75 đường DK, phường MA, quận NHS, thành phố Đà Nẵng.

* *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc, địa chỉ: đường TNV, phường HTT, quận HC, thành phố Đà Nẵng là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; ông Huỳnh Ngọc A, địa chỉ: Số 301 đường THĐ, phường TP, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số ngày 19/4/2019), ông A có mặt.

* *Bị đơn:* Công ty cổ phần PL Quảng Ngãi

Địa chỉ: Số 07, đường CBQ, phường NC, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi.

** Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Qúy K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, địa chỉ: Tổ 1B, phường TL, quận HM, thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; ông K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11/4/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty 72 trình bày:*

Vào ngày 08/11/2014 và ngày 11/8/2015, Công ty 72 và Công Ty PL có ký hợp đồng thuê búa đóng cọc số 27/2014/HĐTB (Hợp đồng 27)và Phụ lục hợp đồng thuê búa đóng cọc số 01-27/2014/PL-HĐTB với nội dung: Bên A (Công Ty PL) đồng ý thuê, bên B (Công ty 72) đồng ý nhận đóng cọc BTCT và cừ larsen cho Công trình cầu Kênh, cầu Bản Thuyền, tường chắn mố cầu Kênh và các cống hộp gần cầu Kênh thuộc dự án mở rộng Quốc lộ 1.

Vào ngày 04/12/2014, Công ty 72 và Công Ty PL có ký hợp đồng kinh tế số 28/2014/HĐKT (Hợp đồng 28) với nội dung: Bên A (Công Ty PL) đồng ý giao, bên B (Công ty 72) đồng ý nhận cung cấp một số vật tư phụ, cho thuê máy, thiết bị, đà giáo ván khuôn và một số nhân công....để thi công cho Công trình cầu Kênh, thuộc dự án mở rộng Quốc lộ 1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty 72 đã cung cấp đầy đủ dịch vụ theo yêu cầu của Công ty PL, Công ty PL đã thanh toán một phần chi phí dịch vụ và còn nợ Công ty 72 số tiền dịch vụ là 1.477.273.000 đồng. Mặc dù hai bên đã đối chiếu công nợ ngày 30/4/2016, Công ty 72 đã nhiều lần yêu cầu Công ty PL thanh toán nhưng Công ty PL vẫn chưa trả nợ.

Tại điểm b. Thanh toán thuộc khoản 4.4 Điều 4 Hợp đồng số 27 đã quy định: *"Khi bên B (Công ty 72) hoàn thành, hai bên tiến hành xác nhận khối lượng đã thực hiện. Bên A (Công ty PL) sẽ thanh toán hết số tiền còn lại cho bên B, sau khi trừ đi số tiền tạm ứng, không quá 30 ngày sau khi hoàn thành"*.

Tại điểm b. Thanh toán thuộc khoản 4.4 Điều 4 Hợp đồng số 28 đã quy định: *"Khi bên B (Công ty 72) hoàn thành, hai bên tiến hành xác nhận khối lượng đã thực hiện và thực hiện quyết toán. Bên A (Công ty PL) sẽ thanh toán hết số tiền còn lại cho bên B (sau khi đã trừ đi số tiền tạm ứng, chi phí vật tư,*

máy móc do bên B sử dụng của bên A (nếu có)), không quá 30 ngày kể từ ngày bên B hoàn thành hồ sơ quyết toán".

Do Công ty PL chậm thanh toán nên phải chịu lãi suất với mức 13,5%/năm tương ứng với thời gian chậm thanh toán là 35 tháng kể từ ngày 30/4/2016 đến ngày 30/3/2019. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu mức lãi 9%/năm, thay đổi thời gian tính lãi bắt đầu từ 01/6/2016 (30 ngày kể từ ngày hoàn thành được tính từ ngày lập biên bản đối chiếu ngày 30/4/2016). Như vậy số tiền lãi Công ty 72 yêu cầu tính đến hôm nay (30/11/2019) theo cách tính 9% x 1.477.273.000 đồng x 03 năm 05 tháng 29 ngày là 464.971.675 đồng.

** Bị đơn Công ty PL đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Qúy K vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Qúy K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho Công ty PL: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng trong thời hạn luật định, Công ty PL không có ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của Công ty 72, người đại diện hợp pháp không đến Tòa án làm việc, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ. Theo tài liệu, chứng cứ do Công ty 72 cung cấp và quy định tại Điều 74, Điều 85 Luật Thương mại thì việc Công ty 72 khởi kiện yêu cầu Công ty PL phải thanh toán cho Công ty 72 số tiền nợ gốc là đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2016 giữa hai bên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Tại Hợp đồng 27 và phụ lục Hợp đồng27, Hợp đồng 28 hai bên không thỏa thuận về mức lãi chậm thanh toán nhưng Công ty 72 yêu cầu Công ty PL phải trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suA 09%/năm, cụ thể: thời gian chậm trả được tính từ 01/6/2016

đến 30/11/2019 là 03 năm 05 tháng 29 ngày x (nhân) số tiền chậm trả 1.477.273.000 đồng x (nhân) 9%/năm là 464.971.675 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Tổng cộng số tiền gốc và lãi Công ty PL phải thanh toán cho Công ty 72 là 1.942.244.675 đồng.

[2.4] Về án phí: Công ty PL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tạm ứng án phí cho Công ty 72.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 74, 85, 306 của Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty 72. Buộc Công ty Cổ phần PL Quảng Ngãi có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty 72 tổng số tiền 1.942.244.675 đồng (Một tỷ, chín trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.477.273.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi ba ngàn đồng), tiền nợ lãi là 464.971.675 đồng (Bốn trăm sáu mươi bốn triệu, chin trăm bảy mươi mốt ngàn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Công ty Cổ phần PL Quảng Ngãi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 70.267.340 đồng (Bảy mươi triệu, hai trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm bốn mươi đồng).

Hoàn trả cho Công ty 72 36.589.492 đồng (Ba mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi chín ngàn, bốn trăm chín mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001282 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Ly